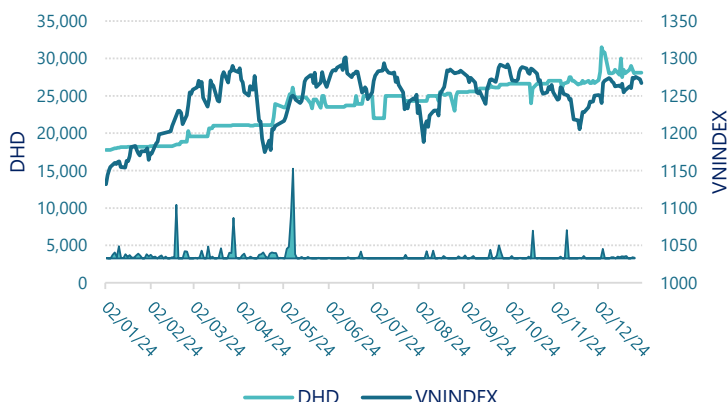


CTCP Dược Vật tư Y tế Hải Dương (UPCOM: DHD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	28,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	31,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,761
SL cổ phiếu LH	27,947,317
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,060
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	785
P/E	19.4
EPS	1,451

DT thuần

Q4/24

184

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 23.0 | 14.0%

YoY: ▲ 18.0 | 10.6%

LN sau thuế

Q4/24

11.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.30 | 12.6%

YoY: ▲ 4.05 | 52.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

8.1%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần

2024

665

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 50.0 | 8.2%

LN sau thuế

2024

40.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.10 | 28.9%

ROE

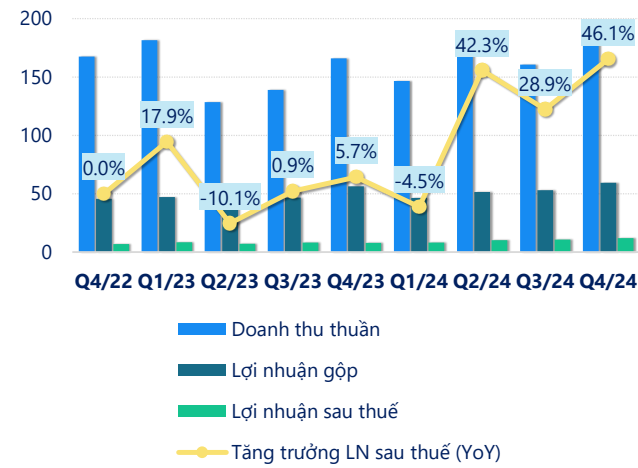
2024

9.3%

+/- YoY: ▲ 1.6%

tỷ VNĐ

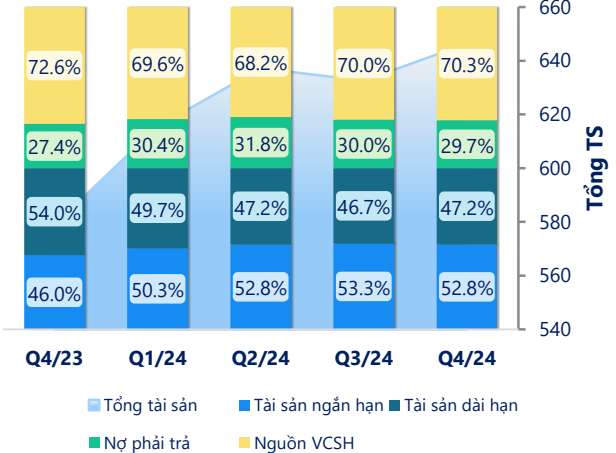
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

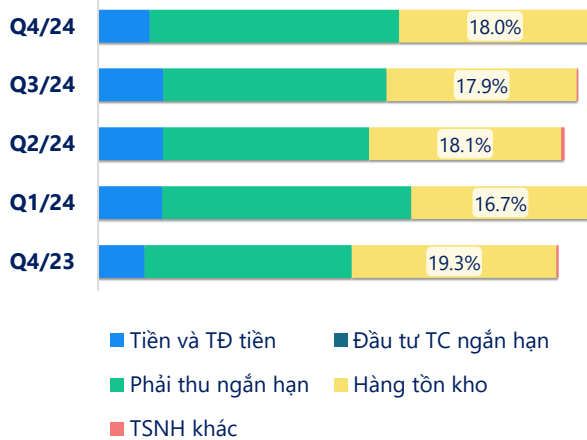
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



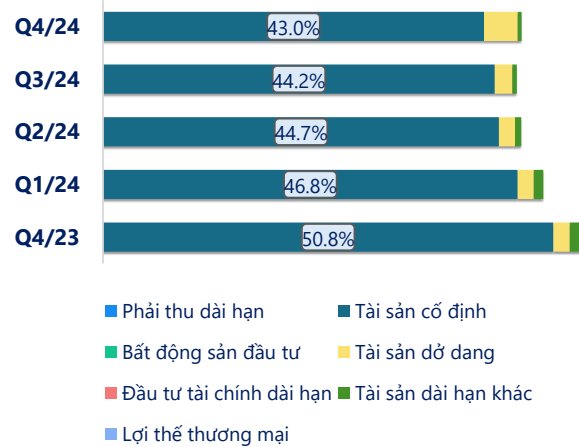
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

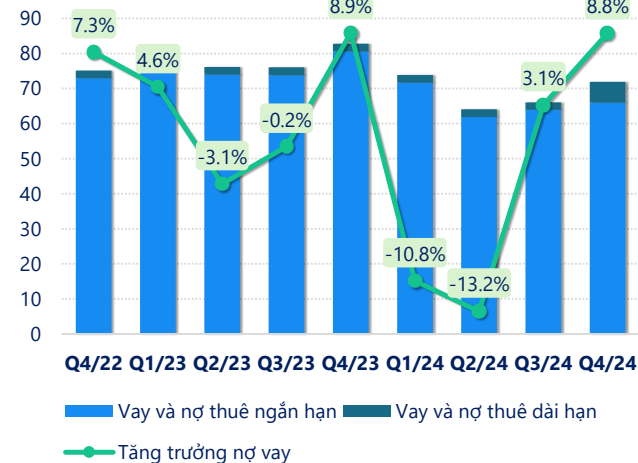
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

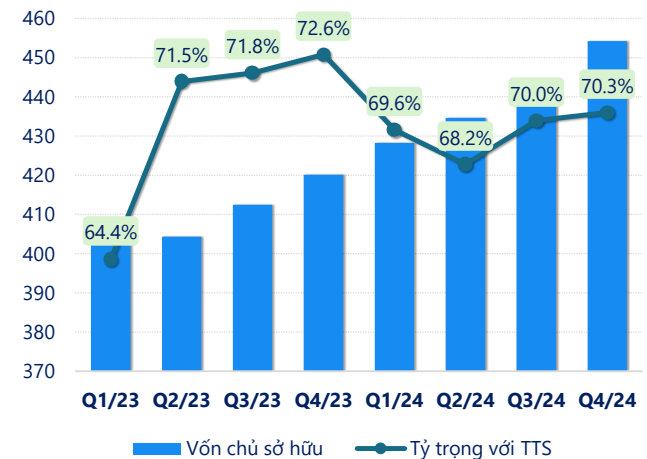
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

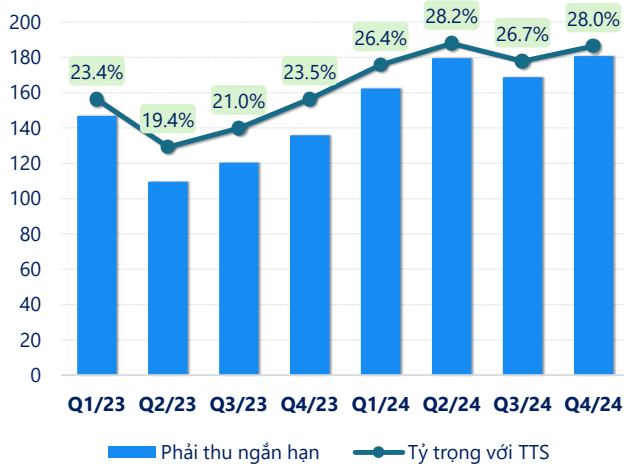
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



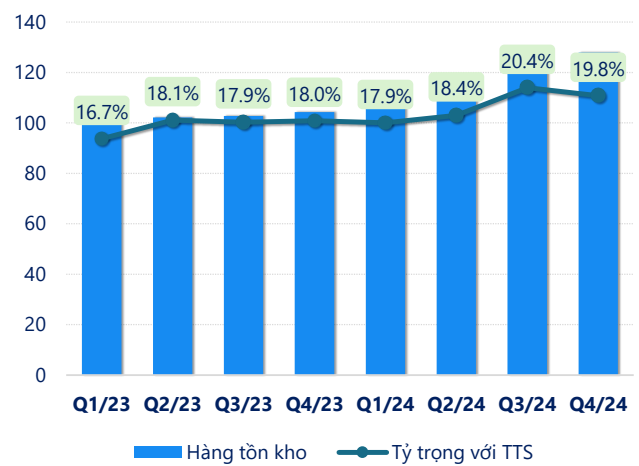
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


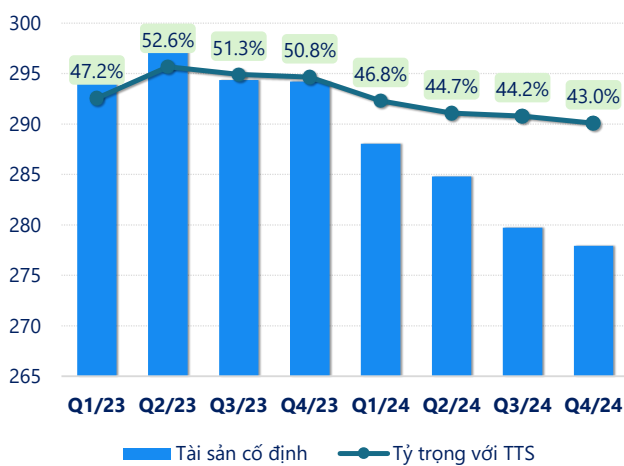
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


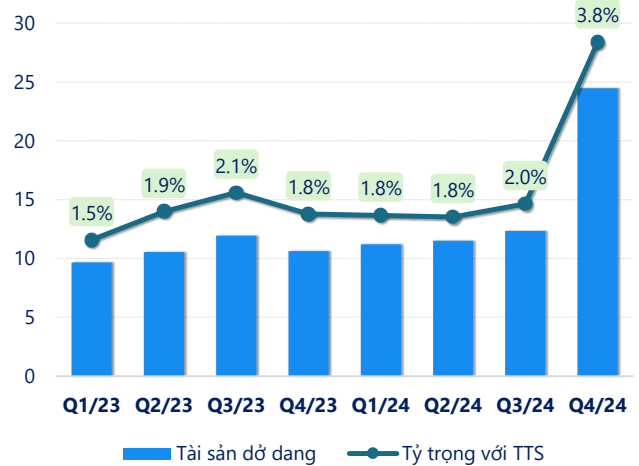
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

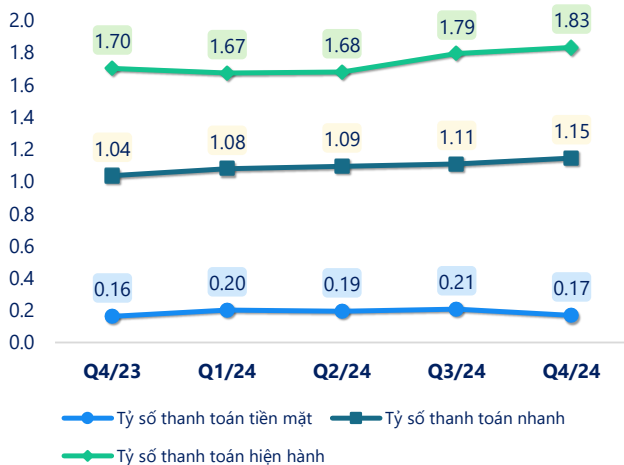
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

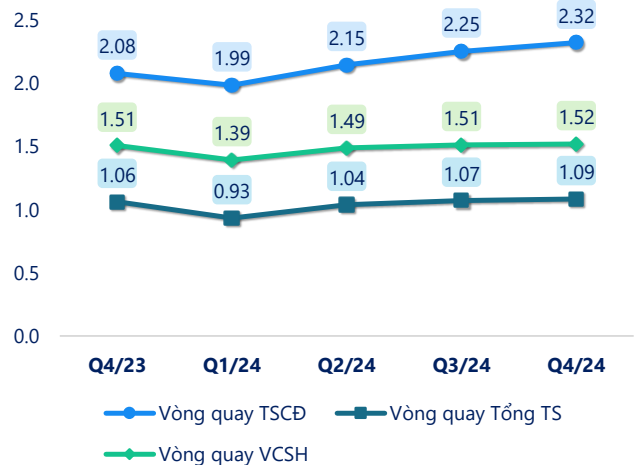
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	579	615	637	633	646
Tài sản ngắn hạn	267	310	337	337	341
Tiền và tương đương tiền	25.4	37.1	38.9	38.9	31.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	136	162	180	169	181
Hàng tồn kho	104	110	117	129	128
Tài sản ngắn hạn khác	1.00	0.33	0.80	0.85	1.04
Tài sản dài hạn	312	306	301	295	305
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	294	288	285	280	278
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	10.6	11.2	11.5	12.4	24.5
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	7.53	6.57	4.44	3.22	2.87
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	159	187	203	190	192
Nợ ngắn hạn	157	185	200	188	186
Vay và nợ thuê ngắn hạn	80.6	71.7	61.9	63.9	65.9
Phải trả người bán ngắn hạn	47.4	55.7	75.5	63.4	63.9
Nợ dài hạn	2.23	2.19	2.19	2.18	6.02
Vay và nợ thuê dài hạn	2.21	2.17	2.17	2.16	6.00
Nguồn vốn chủ sở hữu	420	428	435	442	454
Vốn chủ sở hữu	420	428	435	442	454
Vốn điều lệ	204	204	279	279	279
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)